TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **333**/2020/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 09 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰTHOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212 , 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 53, 55, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 293/2020/TLST/ HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 về việc: " Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; thoả thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Phước P, sinh năm 1989. Địa chỉ: Tổ 17, khu vực 6, phường V, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chỗ ở hiện nay: Số 91/7 đường Ư, phường V, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1987. Địa chỉ: Nhà số 68, đường số 4, khu A, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Phước P và chị Nguyễn Thị V tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 18/12/2012.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, hay bất đồng quan điểm sống, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Do mục đích hôn nhân không đạt nên anh Nguyễn Phước P và chị Nguyễn Thị V tự nguyện thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Phước P và chị Nguyễn Thị V xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Phước Quốc A, sinh ngày: 10/02/2014. Hai bên thỏa thuận giao cháu Nguyễn Phước Quốc A cho chị V tiếp tục trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên thoả thuận anh Nguyễn Phước P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Phước P và chị Nguyễn Thị V cùng xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Phước P và chị Nguyễn Thị V mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh P, chị V đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2013/009944 ngày 11/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Nguyễn Phước P và chị Nguyễn Thị V đã nộp đủ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 01 tháng 7 năm 2020), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Phước P và chị Nguyễn Thị V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phước Quốc A cho chị V tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Phước P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Phước P và chị Nguyễn Thị V cùng xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Phước P và chị Nguyễn Thị V mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh P, chị V đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2013/009944 ngày 11/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Nguyễn Phước P và chị Nguyễn Thị V đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự,được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm

2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
-VKSND TP Huế;
- UBND phường V, TP Huế;
(**ĐKKH số 01 ngày 18/12/2012**)
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Huế